

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-4-2022

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoài Phương

2. Ông Phạm Xuân Đức.

- Thư ký phiên toà: ông Nông Đình Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà:
ông Lương Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01-12-2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS, ngày 16-3-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Nông Văn B, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. *Bị đơn:* chị Hoàng Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú cuối cùng: thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nông Văn B trình bày: Anh và chị Hoàng Thị H kết hôn tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 21-3-2003. Do chị H bỏ đi biệt tích từ năm 2017. Tại Quyết định số 05/2019/QĐSI-DS, ngày 20-9-2019, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã tuyên bố chị Hoàng Thị H mất tích. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin Tòa án cho anh ly hôn chị Hoàng Thị H.
- Về con chung: Anh và chị H có 02 người con chung là Nông Thị H, sinh ngày 20-01-2004 và Nông Thế A, sinh ngày 16-01-2006; các con hiện đang ở với anh. Riêng cháu H đã trưởng thành (*trên 18 tuổi*) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nông Thế A và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Hoàng Thị H: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị H vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn B được ly hôn với chị Hoàng Thị H; về con chung: Giao cháu Nông Thế A, sinh ngày 16-1-2006 cho

anh Nông Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Anh Nông Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con với chị Hoàng Thị H; anh B và chị H có đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*"; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nông Văn B và chị Hoàng Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 21-3-2003 là hợp pháp. Do chị H bỏ đi biệt tích từ năm 2017. Tại Quyết định số 05/2019/QĐST-DS, ngày 20-9-2019, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã tuyên bố chị Hoàng Thị H mất tích nên cần chấp nhận yêu cầu của anh B là đúng với khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Anh B và chị H có hai con chung là Nông Thị H, sinh ngày 20-01-2004 và Nông Thế A, sinh ngày 16-01-2006, cháu A hiện đang ở với anh B. Riêng cháu H trên 18 tuổi, lập gia đình và ở riêng nên không giải quyết; đối với cháu Nông Thế A đang ở với bố và nguyện vọng được ở với anh B, chị H bị Tòa án tuyên bố mất tích nên giao cháu A cho anh B nuôi dưỡng là có căn cứ; về cấp dưỡng: Anh B không yêu cầu nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn B được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nông Thế A, sinh ngày 16-1-2006 cho anh Nông Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về cấp dưỡng: Chị Hoàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Nông Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004029, ngày 24-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; anh B đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn, *(để vào sổ Hộ tịch)*;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh